

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH**Về việc xây dựng Nghị quyết Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi****(Bản gửi Bộ Tư pháp phục vụ quy trình thẩm định hồ sơ Nghị quyết)****Kính gửi: Chính phủ**

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới: nhiệm vụ, giải pháp đối với giáo dục “Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi tham mưu Chính phủ trình Quốc hội năm 2025”.

Bộ GDĐT kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng “Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết Phổ cập giáo dục mẫu giáo), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đề ra mục tiêu: “Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi vào năm 2015, nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo và miễn học phí trước năm 2020. Từng bước chuẩn hóa hệ thống các trường mầm non. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương và cơ sở giáo dục”.

Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: “Củng cố và

nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi".

Ngày 24/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, trong đó xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030: *"hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, đồng thời yêu cầu "yêu cầu Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ; các Bộ, ngành; tỉnh uỷ, thành uỷ; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ các cấp khẩn trương thực hiện Nghị quyết".*

Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: *"Hoàn thành phổ cập giáo dục; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, tạo sự đồng bộ, liên thông, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục; chú trọng chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục mầm non, có chính sách tháo gỡ việc phát triển mạng lưới trường, lớp dân lập, tư thục; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, thu hút, bảo đảm điều kiện cần thiết để giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ; có chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục chuyên biệt; tăng cường nguồn lực, bảo đảm ngân sách để hoàn thành các mục tiêu về phổ cập giáo dục, ưu tiên phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi".*

Luật Giáo dục (Điều 14) quy định: *"Nhà nước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi"*; Điều 23 quy định: *"Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi; Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một"*.

Luật Trẻ em (Điều 15 - 19) quy định: *"Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện; Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh; (Điều 44): "Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học, giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập, để trẻ em trong độ tuổi được giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ"*.

Ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về

tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới: nhiệm vụ, giải pháp đối với giáo dục: *“Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi; chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 có 100% số tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt từ 95% đến 97%; giao cho Bộ GDĐT xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, trình Quốc hội năm 2025”*.

Như vậy, Có thể khẳng định rằng, chủ trương về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (PCGDMNTEMG) đã được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, hiện nay trong Luật giáo dục chỉ quy định về phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi, chưa có quy định về phổ cập giáo dục cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Việc sửa Luật Giáo dục chưa thể thực hiện trong thời điểm này nên cần có Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non để có căn cứ pháp lý triển khai, thực hiện chủ trương của Đảng đồng thời quy định một số chính sách để đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện chủ trương PCGDMNTEMG.

Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết Quốc hội về PCGDMNTEMG căn cứ vào Khoản 2, Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết quốc hội để quy định *“e) những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội”*; tại khoản 3, Điều 70 Hiến pháp năm 2013 quy định Quốc hội có thẩm quyền *“3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế xã hội của đất nước”*. Vì vậy, căn cứ vào Luật ban hành văn bản, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định hiện hành, việc tham mưu cho Quốc hội ban hành Nghị quyết để quyết định mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo yêu cầu của Nghị quyết số 42-NQ/TW (*Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi; chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 có 100% số tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi*) là phù hợp về thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển Giáo dục mầm non (viết tắt là GDMN), trong thời gian qua, GDMN đã nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều thành tựu. Mạng lưới cơ sở GDMN phát triển rộng, khắp đến tất cả các xã phường, thôn bản trên cả nước, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường.

Hàng năm, có trên 5,1 triệu trẻ mầm non (Trong đó có: 4.556.771 trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi) được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tại 15.256 trường mầm non và 17.444 cơ sở GDMN độc lập; tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ đạt 34,6%, tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo đạt 93,6% (có 34 tỉnh, thành phố có tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo đạt từ 95% trở lên). Tỷ lệ trường mầm non dân lập, tư thục chiếm 20,8%, tỷ lệ trẻ em tại các cơ sở GDMN dân lập, tư thục chiếm 27,4%; toàn quốc có 59,5% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, tỷ

lệ phòng học kiên cố đạt 84,8%, tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,87 GV/lớp. GDMN đã từng bước vượt qua khó khăn, phát triển khá toàn diện về quy mô, mạng lưới trường lớp, các điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ; chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên; trẻ em vùng miền núi, dân tộc thiểu số được chuẩn bị về tiếng Việt và được hỗ trợ ăn trưa nên tỷ lệ ra lớp cao hơn, bảo đảm chuyên cần; trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đã được chuẩn bị tốt các điều kiện sẵn sàng vào học lớp một; việc thực hiện công bằng trong giáo dục từng bước được bảo đảm. Đặc biệt, việc thực hiện thành công các mục tiêu cơ bản của Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (viết tắt là PCGDMNTNT) đã góp phần nâng cao tỷ lệ trẻ em được tới trường/lớp; thu hút được một nguồn lực lớn để đầu tư cơ sở vật chất theo yêu cầu kiên cố hóa, chuẩn hóa phục vụ công tác chăm sóc và giáo dục trẻ ở các địa phương. Kết quả thực hiện PCGDMNTNT có tác dụng tốt đối với sự phát triển của trẻ 5 tuổi, đồng thời tạo sự an tâm, tin tưởng của cha mẹ trẻ và cộng đồng đối với GDMN.

Tuy nhiên, GDMN vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Những khó khăn, thách thức cơ bản của GDMN đã được nhận diện, cụ thể như sau:

Một là: còn một số lượng khá lớn trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi (chủ yếu là trẻ em ở vùng khó khăn, trẻ em đối tượng yếu thế) chưa được tiếp cận với giáo dục mầm non tạo sự mất công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Hiện nay, có gần 300.000 trẻ em mẫu giáo chưa được đến trường, tập trung tại những nơi khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Tại các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi trẻ em được tiếp cận GDMN muộn, từ khi có chính sách PCGDMNTNT, trẻ em mới được ra lớp. Trẻ ra lớp muộn, không đúng tuổi dẫn đến thiếu hụt nhiều ở các lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ và giao tiếp, đặc biệt là trẻ em người dân tộc thiểu số, chưa có đủ thời gian để phát triển ngôn ngữ tiếng Việt, chuẩn bị sẵn sàng cho việc học tập ở trường phổ thông, dẫn đến tỷ lệ không được lên lớp, lưu ban khá cao ở đối tượng này. Điều kiện bảo đảm chất lượng cho trẻ phát triển toàn diện và đảm bảo trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một các nơi khó khăn, vùng núi cao, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu đặt ra.

Thực tiễn này cho thấy việc thực hiện PCGDMNTEMG là cần thiết để đảm bảo quyền trẻ em và đảm bảo công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục.

Hai là: Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDMN còn hạn chế.

Về phòng học: mặc dù hiện nay các cơ sở GDMN đã bố trí đảm bảo 01 phòng học/01 lớp, tuy nhiên tỷ lệ phòng học kiên cố mới đạt 84,8%, còn 0,5% phòng học tạm và học nhờ/mượn gần 3.000 phòng. Riêng đối với các trường mầm non công lập tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 76,6%, các địa phương bố trí gần trên 2.500 phòng học nhờ.

Về đội ngũ giáo viên: bình quân toàn quốc đạt 1,87 GV/lớp, trong đó: Đối với các lớp mẫu giáo trường công lập đạt 1,84 GV/lớp (thiếu 0,36 GV/lớp), Chính sách thu hút, hỗ trợ giáo viên chưa tương xứng với đặc thù hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non..

Ba là: Chính sách hiện hành dành cho trẻ em mầm non, giáo viên, cơ sở giáo dục, cơ chế, chính sách đầu tư, xã hội hoá giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non..

Xác định rõ những khó khăn, vướng mắc cần được tháo gỡ, yêu cầu của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 42, cho thấy cần thiết phải sớm trình Quốc hội ban hành “Nghị quyết phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi” trong giai đoạn mới nhằm tạo hành lang pháp lý và cơ chế chính sách, giải quyết những bất cập của GDMN, thực hiện nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao.

3. Căn cứ khoa học về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo và kinh nghiệm nước ngoài

3.1. Căn cứ khoa học

Các nghiên cứu về GDMN trên thế giới đều có chung kết luận rằng đảm bảo tiếp cận công bằng với GDMN có chất lượng là một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của xã hội để giúp trẻ em xây dựng nền tảng vững chắc cho học tập suốt đời và trường học là một trong những môi trường quan trọng nhất để tạo cơ hội bình đẳng cho mọi trẻ em. Cụ thể như sau:

- Các nghiên cứu khoa học và thực tiễn trên thế giới chứng minh rằng tăng tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ mẫu giáo sẽ tăng hiệu quả của đầu tư vào tất cả các bậc học sau, giảm gánh nặng lên hệ thống giáo dục phổ thông. Trẻ em độ tuổi mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi (gọi chung là trẻ em mẫu giáo) ra lớp là phù hợp nhu cầu học tập, giao tiếp và phát triển.

- Đối với các quốc gia, việc không đầu tư vào giai đoạn đầu đời sẽ khiến trẻ em có sức khỏe kém hơn, ít kỹ năng học tập hơn và giảm thu nhập tiềm năng trong tương lai. Việc này còn dẫn tới một nền kinh tế yếu hơn và gia tăng gánh nặng lên các hệ thống y tế, giáo dục và phúc lợi.

3.2. Kinh nghiệm quốc tế

Việc thực hiện PCGDMNTEMG đã được triển khai thực hiện ở các nước với những điều kiện kinh tế xã hội khác nhau. Có thể tổng hợp kinh nghiệm quốc tế trong PCGDMNTEMG cụ thể, như sau:

Thứ nhất, về chủ trương PCGDMNTEMG: Trong khu vực châu Á, tỷ lệ tiếp cận GDMN chất lượng cao cho trẻ em mẫu giáo 3-6 tuổi tại Singapore đã đạt trên 90% tại tất cả các độ tuổi. Trên thế giới, các quốc gia như Hàn Quốc, Đan Mạch, Pháp, Hà Lan, Anh, Na Uy đều có tỷ lệ ra lớp của trẻ MG 3-5 tuổi từ 96% đến 100%, và một số quốc gia đang phát triển như Jamaica có tỷ lệ tiếp cận GDMN cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi xấp xỉ 99%. Tại Nhật Bản, bắt đầu từ tháng 10/2019, Chính phủ cung cấp giáo dục mầm non công lập miễn phí cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Kể từ năm 2010, Trung Quốc đã ban hành Kế hoạch Quốc gia về Cải cách và Phát triển Giáo dục Trung và Dài hạn (2010-2020) và các văn bản chỉ đạo bởi Hội đồng Nhà nước đặt mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo; năm 2019 Trung

Quốc ban hành Kế hoạch Hiện đại hóa Giáo dục và cam kết đạt được mục tiêu phổ cập GDMN có chất lượng cho mọi trẻ em độ tuổi mẫu giáo.

Thứ hai, về chính sách: Các quốc gia, vùng lãnh thổ có chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo tốt nhất đều có các chính sách phù hợp để hỗ trợ trẻ mẫu giáo, không phân biệt trẻ học tại cơ sở GDMN công lập hay ngoài công lập. Các quốc gia còn đưa ra các gói chính sách khuyến khích nhằm hỗ trợ cơ sở GDMN ngoài công lập tiếp nhận trẻ và đảm bảo chất lượng trong chăm sóc, nuôi dạy trẻ mẫu giáo từ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt khó khăn (trẻ khuyết tật, các nhóm dân tộc thiểu số, hoặc các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác như con em các gia đình lao động thu nhập thấp). Trong khối ASEAN, Malaysia đã có những đổi mới chính sách mạnh mẽ để thực hiện PCGDMNTNT và tăng cường tiếp cận GDMN có chất lượng cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi, bao gồm hỗ trợ trực tiếp trên đầu trẻ, không phân biệt loại hình cơ sở GDMN.

Thứ ba, về đội ngũ và chính sách hỗ trợ đội ngũ: Theo kinh nghiệm quốc tế và các nghiên cứu đơn và liên ngành khác nhau, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, có trình độ, tâm huyết, là nhân tố cốt yếu để đảm bảo chất lượng phổ cập GDMN và các quốc gia thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo đã đưa ra các chính sách ưu tiên nhằm phát triển, thu hút, chuẩn bị, hỗ trợ và giữ chân đội ngũ. Chất lượng đội ngũ, đặc biệt là giáo viên, là một trong những yếu tố dự báo quan trọng nhất về chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, kết quả đầu ra của trẻ, và chất lượng phổ cập. Cán bộ quản lý, giáo viên, và nhân viên đóng vai trò vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường tâm lý và thể chất tích cực cho việc học tập; trong đó giáo viên giúp định hình kết quả giáo dục và thái độ của trẻ đối với giáo dục thông qua các kỹ năng và động cơ thúc đẩy trẻ.

Thứ tư, hầu hết các quốc gia thành công trong quá trình triển khai phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo đều có hệ thống đảm bảo chất lượng, theo dõi, đánh giá, giám sát và công nhận phổ cập chặt chẽ, kết hợp thành tra chính thức với các hình thức giám sát khác như tự đánh giá và đánh giá ngoài. Vương quốc Anh, Jamaica, Đan Mạch, Na Uy, hay Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, đều đưa ra những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt và cơ chế đánh giá, giám sát, công nhận phổ cập chặt chẽ, đi kèm với các mục tiêu và tiêu chuẩn phổ cập mới, với việc Bộ GDĐT ban hành hướng dẫn chung về theo dõi, thanh tra để hỗ trợ các tỉnh, thành phố, các sở giáo dục địa phương hoàn thành vai trò giám sát của mình.

Từ những cơ sở pháp lý, thực tiễn, khoa học và kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc ban hành Nghị quyết quốc hội về Phổ cập giáo dục mẫu giáo là cần thiết và đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích xây dựng văn bản

(1) Triển khai chủ trương, đường lối, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Ban chấp hành Trung ương, chỉ đạo của Chính phủ về Phổ cập giáo dục mẫu giáo trên phạm vi cả nước.

(2) Xây dựng hành lang pháp lý để huy động nguồn lực đầu tư đảm bảo các điều kiện thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

(3) Đảm bảo trẻ em mẫu giáo được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng; chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng đi vào lớp một, góp phần vào thực hiện quyền của trẻ em.

2. Quan điểm

a) Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội phát triển GDMN, tạo cơ hội cho trẻ em mẫu giáo được tiếp cận với GDMN:

- Đảm bảo hệ thống chính sách, pháp luật, tạo sự đồng bộ, liên thông, tạo hành lang pháp lý cho việc đảm bảo chất lượng Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ. Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), biên giới, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tập trung đông dân cư.

- Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục mầm non dân lập, tư thục, nhất là tại khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư; kết nối các nguồn lực xã hội hỗ trợ GDMN vùng DTTS&MN, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

b) Phổ cập giáo dục mẫu giáo là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong GDMN nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ em mẫu giáo vào lớp một đối với tất cả các vùng miền trong cả nước.

c) Việc chăm lo để mọi trẻ em mẫu giáo được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội.

d) Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non để góp phần tích cực cho việc nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi; một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư cơ sở vật chất trường lớp; ưu đãi thu hút đầu tư; ưu đãi, thu hút đối với giáo viên mầm non dạy các lớp mẫu giáo; chính sách cho trẻ em mẫu giáo học tại các cơ sở GDMN.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị, xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trẻ em trong độ tuổi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Với quan điểm và mục đích nêu trên, đề nghị xây dựng Nghị quyết sẽ tập trung giải quyết 02 nhóm chính sách, cụ thể như sau:

1. Chính sách 1: Hoàn thiện chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo Chương trình GDMN

1.1. Mục tiêu của chính sách

Hỗ trợ, khuyến khích để tăng tỷ lệ trẻ em mẫu giáo được tiếp cận với giáo dục mầm non có chất lượng, đặc biệt là trẻ em vùng DTTS&MN, vùng biên giới, hải đảo, bãi ngang ven biển; góp phần nâng cao chất lượng GDMN, đảm bảo quyền trẻ em.

1.2. Nội dung của chính sách

Thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo với các chính sách ưu đãi tốt hơn cho trẻ em thuộc đối tượng khó khăn, khuyến khích trẻ đến trường như: miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa, chăm sóc bán trú cho trẻ khi đến trường. Đảm bảo các điều kiện tốt nhất để trẻ mẫu giáo được tiếp cận giáo dục sớm hơn, hỗ trợ nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

Quy định bổ sung chính sách ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo vùng khó khăn trong độ tuổi thực hiện phổ cập, đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở GDMN để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN, cụ thể:

Ưu đãi đối với trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi thực hiện phổ cập giáo dục mầm non

(1) Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi trong các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách miễn học phí.

(2) Trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi đang học tại các cơ sở GDMN thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hợp pháp là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập.

(3) Nâng mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo quy định hiện hành lên mức tối thiểu là 360.000 đồng/tháng/trẻ em (ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

(4) Nhu cầu kinh phí thực hiện Chính sách

a) Hỗ trợ miễn học phí: Kinh phí tăng thêm/năm học: 5.506,2 tỷ/năm.

b) Hỗ trợ chi phí học tập: 284,02 tỷ/năm.

c) Hỗ trợ tiền ăn trưa: 945,1 tỷ/năm.

(Tăng mức hỗ trợ từ 10% lên 15% mức lương cơ sở (tức tăng thêm 200.000 đồng/tháng so với mức cũ do mức lương cơ sở hiện nay tăng lên 2.340.000 đồng)¹).

2. Chính sách 2: Chính sách thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp học mầm non thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo

2.1. Mục tiêu của chính sách

Khuyến khích, thu hút đội ngũ giáo viên mầm non, bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non để thực hiện mục tiêu Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Trước mắt, đảm bảo đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng cho công tác phổ cập. Lâu dài, phấn đấu đến năm 2030, bảo đảm đủ định mức số lượng giáo viên lớp mẫu giáo theo quy định.

2.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung đội ngũ giáo viên thiếu cho các cơ sở GDMN để thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu về chuẩn đào tạo; phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non. Giải quyết các vấn đề về lương và phụ cấp, giờ làm vượt quy định. Thúc đẩy các cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ để thu hút, khuyến khích đội ngũ GVMN yên tâm công tác, gắn bó, tâm huyết với nghề.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

a) Quy định áp dụng một số chính sách đặc thù để hỗ trợ, thu hút thu hút đội ngũ, ưu đãi đối với giáo viên mầm non:

- Có chính sách ưu đãi về tuyển dụng, thu hút giáo viên mầm non tại các cơ sở GDMN công lập được tuyển dụng mới theo quy định của pháp luật từ năm học 2025-2026 trực tiếp dạy các lớp mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, đáp ứng nhiệm vụ Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để xem xét quyết định mức ưu đãi khi tuyển dụng tối thiểu 01 năm tiền lương cơ bản, cam kết công tác đủ từ 5 năm trở lên tại cơ sở GDMN tuyển dụng.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở GDMN (không bao gồm các cơ sở GDMN có liên kết giáo dục và đào tạo với nước ngoài; cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi được hỗ trợ tối thiểu 960.000 đồng/tháng (chín trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng), hưởng không quá 09 tháng/năm học. Mức

¹ Nâng mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách này đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 09/8/2020 về chính sách phát triển GDMN (hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học).

hỗ trợ cao hơn quy định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

- Sau khi cân đối số biên chế hiện nay còn thiếu và số biên chế cần bổ sung do tăng quy mô để thực hiện Phổ cập với số biên chế dự kiến giao thêm giai đoạn 2022-2026 cho các tỉnh, thành phố thì cần đề nghị Bộ Chính trị bổ sung khoảng 21.427 chỉ tiêu biên chế.

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở GDMN thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo được tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hàng năm theo Chương trình bồi dưỡng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách

(1) Kinh phí hỗ trợ tuyển dụng giáo viên mẫu giáo: Số kinh phí cần Nhà nước hỗ trợ để thu hút giáo viên là: 2.827,6 tỷ đồng.

(2) Kinh phí hỗ trợ CBQL, GV, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập: 3.296,8 tỷ/năm.

3. Chính sách 3: Đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới trường lớp đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo

3.1. Mục tiêu của chính sách

Tập trung tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chính sách đất đai, vay vốn tín dụng, ưu tiên cho thuê tài sản công; đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng phát triển GDMN dân lập, tư thực, nhất là các cơ sở GDMN độc lập loại hình dân lập, tư thực tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở giáo dục mầm non theo phương thức đối tác công tư (trường công, quản lý tư; thực hiện theo hình thức hợp đồng O&M).

3.2. Nội dung của chính sách

Phát triển mạng lưới trường, lớp đảm bảo đáp ứng nhu cầu tới trường của trẻ em mẫu giáo; có Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho cấp học mầm non để đầu tư phát triển trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; bảo đảm 1 phòng học/1 lớp mẫu giáo để thực hiện công tác phổ cập giáo dục mẫu giáo.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn

a) Nhà nước ưu tiên có chương trình tăng cường cơ sở vật chất đầu tư xây dựng đủ trường/lớp học đáp ứng nhu cầu của trẻ em vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng DTTS&MN, vùng biên giới, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo; đưa GDMN vào đối tượng thụ hưởng chính sách của giai đoạn 2 (giai đoạn 2026-2030 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); bố trí từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 và các Chương trình MTQG hiện hành.

Đầu tư kinh phí cho các cơ sở GDMN công lập để đầu tư xây dựng mới phòng học còn thiếu 6.149 phòng (Trong đó có: 4.247 phòng hiện đang thiếu năm học 2022-2023 và 1.902 phòng thiếu do lớp mẫu giáo tại một số tỉnh tăng lên từ năm 2026 đến năm 2030), sửa chữa phòng học bán kiên cố để đảm bảo đến năm 2030 đạt từ 85% phòng học kiên cố trở lên (15.242 phòng); bổ sung đồ chơi ngoài trời; thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các lớp mẫu giáo tăng thêm.

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách

Giai đoạn 2026 - 2030: **Nhu cầu kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi: 18.024,8 tỷ đồng** (Nhu cầu kinh phí bình quân/năm là 3.604 tỷ đồng/năm trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030)².

Nội dung chủ yếu:

- . Xây dựng mới 6.149 phòng học đáp ứng đủ phòng học cho các lớp mầm non;
- . Thay thế 15.242 phòng bán kiên cố (đảm bảo đến năm 2030 các tỉnh đạt từ 85% phòng học kiên cố trở lên).
- . Mua sắm 216 bộ đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non công lập thành lập thêm giai đoạn 2026-2030;
- . Mua sắm 1.902 bộ thiết bị, đồ dùng dạy học trong lớp cho các lớp mẫu giáo tăng thêm giai đoạn 2026-2030.

4. Nguồn kinh phí triển khai Nghị quyết

4.1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết, bao gồm:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành: nguồn chi thường xuyên (sự nghiệp giáo dục, đào tạo); vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030; vốn từ Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này.

- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

4.2. Cơ cấu ngân sách thực hiện phổ cập mẫu giáo

Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành;

Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Chính phủ quy định chi tiết điều này.

² Nhu cầu kinh phí này được thực hiện tại Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2024-2030.

V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Về tính tương thích của các chính sách đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Dự kiến các chính sách được đề xuất nêu trên trong Nghị quyết sẽ góp phần duy trì và thực hiện có hiệu quả Mục tiêu thiên niên kỉ (Mục tiêu 4.1); Công ước quốc tế về Quyền trẻ em.

2. Về vấn đề bình đẳng giới

Các chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết Phổ cập giáo dục mẫu giáo không có tác động về giới, không tạo ra phân biệt đối xử, tạo sự bình đẳng về giới trong công tác giáo dục.

Đối với trẻ em trong độ tuổi Phổ cập giáo dục mẫu giáo, chính sách không phát sinh vấn đề bất bình đẳng giới. Vì giải pháp chính sách này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt mà có tác dụng tích cực trong việc huy động tất cả trẻ em trong độ tuổi tới trường lớp, được chăm sóc giáo dục theo Chương trình GDMN, có hỗ trợ những nội dung về Giới, thực hiện bình đẳng giới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục mầm non trong phạm vi cả nước.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ GDĐT trong thời gian thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo.

- Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về Phổ cập giáo dục mẫu giáo trong phạm vi địa phương mình.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Nghị quyết

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Nghị quyết được Quốc hội ban hành, Chính phủ giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để ban hành các văn bản quy định chi tiết và triển khai Nghị quyết đầy đủ, đúng tiến độ.

2.2. Nguồn lực triển khai thực hiện Nghị quyết

Trong quá trình xây dựng, đơn vị chủ trì soạn thảo bảo đảm thực hiện việc bố trí cán bộ, công chức tham gia xây dựng văn bản, bảo đảm cơ sở vật chất cho việc xây dựng văn bản và thực hiện việc sử dụng kinh phí xây dựng văn bản theo đúng quy định tại Nghị quyết ban hành văn bản pháp luật và các văn bản có liên quan.

Nhu cầu kinh phí bao gồm 3 phần chính: (i) kinh phí thực hiện chính sách đối với trẻ em mẫu giáo (ii) kinh phí thu hút, ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non thực hiện nhiệm vụ phổ cập (iii) kinh phí chi đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết từ các nguồn:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành: nguồn chi thường xuyên (sự nghiệp giáo dục, đào tạo); vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030; vốn từ Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030 theo Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách Trung ương hỗ trợ các địa phương chưa cân đối được ngân sách để thực hiện các chính sách tại Nghị quyết này.

- Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Nguồn nhân lực thực hiện: dự thảo Nghị quyết thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo, hiện nay, các địa phương đều đã hoàn thiện hệ thống giáo dục các cấp do đó, nhân lực thực hiện sẽ sử dụng đội ngũ giáo viên mầm non hiện có của các địa phương, do đó sẽ phát sinh về nhân lực, để triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục.

2.3. Nguyên tắc phân bổ và cơ chế quản lý tài chính để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị thực hiện phổ cập

a) Đối với nguồn vốn Ngân sách nhà nước

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện các chính sách tại Khoản 1, 2 Điều 3 của Nghị quyết này, bao gồm chính sách đối với trẻ em và chính sách thu hút đội ngũ. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

- Phân bổ ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo theo nguyên tắc:

Ngân sách trung ương hỗ trợ:

- + Thực hiện theo nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương và cơ chế quản lý điều hành của Chương trình mục tiêu quốc gia, các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo thống nhất nguồn vốn đầu tư, tỷ lệ và mức hỗ trợ vốn ngân sách trung ương, danh mục các công trình theo mục tiêu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

+ Việc hỗ trợ các địa phương bảo đảm theo các quy định hiện hành của nhà nước và theo hướng: ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư với các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách để thực hiện. Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương được tính toán, xác định với các mức khác nhau tùy theo điều kiện và mức độ khó khăn về kinh tế - xã hội.

Ngân sách địa phương: Các địa phương chịu trách nhiệm thực hiện các mục tiêu phổ cập mẫu giáo; chủ động bố trí, phân bổ cho các dự án, công trình cụ thể, Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách địa phương để thực hiện theo các mục tiêu của phổ cập giáo dục mẫu giáo; đồng thời thực hiện mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non của địa phương.

b) Nguồn huy động khác

Các địa phương chịu trách nhiệm huy động hợp pháp nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện Phổ cập giáo dục mẫu giáo. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh kinh tế cụ thể để có hình thức huy động các nguồn lực cho phù hợp với từng đối tượng.

3. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức góp ý cho dự thảo, Bộ GDĐT đã rà soát, đối chiếu với pháp luật có liên quan nhận thấy Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính (đã có theo quy định tại chính sách đã có), việc Phổ cập giáo dục mẫu giáo được thực hiện như quy định hiện hành về đăng ký và nhập học cho trẻ. Do đó đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và không phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết Phổ cập giáo dục mẫu giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Năm 2024, căn cứ vào nhiệm vụ do Chính phủ giao cho Bộ GDĐT tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới: nhiệm vụ, giải pháp đối với giáo dục “Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, Bộ GDĐT đã tiến hành xây dựng hồ sơ theo quy định của Luật ban hành văn bản

4. Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết là vào kỳ họp tháng 10 năm 2025 của Quốc hội khóa XV và thông qua theo quy trình một kỳ họp.

VIII. VỀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH

Ngày/...../2024, Hội đồng thẩm định đã họp và có ý kiến thẩm định về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và chỉnh lý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết này (*chi tiết xin xem Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định*).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Văn bản gửi kèm theo: (i) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết phổ cập mẫu giáo; (ii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iii) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ và các cơ quan, tổ chức khác và bản chụp ý kiến góp ý; (v) Dự kiến đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết; (vi) Báo cáo tổng thuật pháp luật về phổ cập giáo dục mầm non của một số nước trên thế giới)./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Vụ KGVX, Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Lưu : VT, GDMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Kim Chi